

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/LĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v: Tranh chấp bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Minh Hoàng – Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động thị xã T;
2. Ông Đào Văn Nô – Cán bộ hưu trí.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 23/2020/TLST-LĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-LĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; thường trú: Xóm 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 2A, khu phố 1, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH G; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

***Người đại diện hợp pháp:*** Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên lạc: Tổ 4, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 05/8/2020); xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*** Vào khoảng tháng 3 năm

2015, bà H được Công ty TNHH G (trước đây là Công ty TNHH I) tuyển dụng vào làm việc. Đến ngày 15/7/2015, Công ty TNHH G (Sau đây viết tắt là Công ty G) và bà H ký kết Hợp đồng lao động số 100641/2015/HĐLĐ-ITN với thời hạn 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, mức lương cơ bản theo hợp đồng là 3.550.000 đồng/tháng.

Do Công ty G thường xuyên thanh toán lương hàng tháng chậm nên tháng 6/2016, bà H đã nộp đơn xin nghỉ việc và được đồng ý theo Quyết định số 123.2016/QĐTV-GB ngày 04/6/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với cán bộ, công nhân viên. Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, hàng tháng Công ty G đều trích một phần lương của bà H để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, đến nay bà H đã nhiều lần yêu cầu Công ty G phải thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại sổ bảo hiểm cho bà H để bà đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội nhưng Công ty G không thực hiện.

Nhận thấy việc Công ty TNHH G không thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà H là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà, do đó bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+ Buộc Công ty TNHH G phải thực hiện việc đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội đối với thời gian bà H làm việc tại Công ty để trả lại Sổ bảo hiểm xã hội cho bà H;

+ Buộc Công ty TNHH G phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp do việc không chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà H đúng thời gian dẫn đến bà H không thể đăng ký nhận bảo hiểm thất nghiệp với mức cụ thể là:  $5.200.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} \times 60\% = 9.360.000 \text{ đồng}$ .

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không trình bày gì thêm.

**- Ông Hoàng Văn K là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH G trình bày:** Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về thời gian làm việc, về việc ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty G với bà Nguyễn Thị H. Mức lương cơ bản của bà H theo hợp đồng lao động là 3.550.000 đồng/tháng cùng với các quyền lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế...

Hiện nay, Công ty G đang gặp nhiều khó khăn về tài chính nên sau khi bà H nghỉ việc tại Công ty G đến nay thì do Công ty G chưa chốt được sổ bảo hiểm xã hội cho bà H nên chưa trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà H được. Nay bà H khởi kiện ra Tòa án thì bị đơn đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên ông Hoàng Văn Khuyến có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu bị đơn đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật cho bà tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã T, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp về lao động thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Công ty TNHH G có trụ sở chính phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Vào khoảng tháng 3 năm 2015, bà H được Công ty TNHH G (trước đây là Công ty TNHH I) tuyển dụng vào làm việc. Đến ngày 15/7/2015, Công ty TNHH G (Sau đây viết tắt là Công ty G) và bà H ký kết Hợp đồng lao động số 100641/2015/HĐLĐ-ITN với thời hạn 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, mức lương cơ bản theo hợp đồng là 3.550.000 đồng/tháng.

Do Công ty G thường xuyên thanh toán lương hàng tháng chậm nên tháng 6/2016, bà H đã nộp đơn xin nghỉ việc và được đồng ý theo Quyết định số 123.2016/QĐTV-GB ngày 04/6/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với cán bộ, công nhân viên. Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, hàng tháng Công ty G đều trích một phần lương của bà H để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, đến nay bà H đã nhiều lần yêu cầu Công ty G phải thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại sổ bảo hiểm cho bà H để bà đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội nhưng Công ty G không thực hiện.

Xét thấy, việc hai bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xác định hợp đồng lao động số 100641/2015/HĐLĐ-ITN giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty G có giá trị thực hiện.

Bà H cho rằng, do Công ty G thường xuyên thanh toán lương hàng tháng chậm nên tháng 6/2016, bà H đã nộp đơn xin nghỉ việc và được Công ty G đồng ý theo quyết định số 123.2016 ngày 04/6/2016. Tại bản tự khai ngày 05/8/2020, đại diện bị đơn thừa nhận tình hình sản xuất của Công ty G gặp khó khăn nên Công ty có cho bà H thôi việc theo đơn xin thôi việc của bà. Xét lời thừa nhận của đại diện bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó có căn cứ xác định giữa hai bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

Tuy nhiên sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng lao động Công ty G vẫn không đóng đầy đủ, đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho bà H là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

[2] Theo Công văn số 216/CV-BHXXH ngày 17/8/2020 của Bảo hiểm xã hội thị xã T thể hiện: Bà Nguyễn Thị H được Công ty TNHH G đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tại Bảo hiểm xã hội thị xã T từ tháng 8/2015 đến tháng 5/2016. Tại thời điểm bà H nghỉ việc đến nay, Công ty TNHH G chưa lập hồ sơ, thủ tục gửi về cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã T để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà H.

Xét thấy, Công ty G đã đăng ký đóng bảo hiểm cho bà H tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã T và đã trích thu nhập hàng tháng của bà H nhưng không đóng đầy đủ, đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động là không làm đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải đóng Bảo hiểm xã hội và thanh toán tiền thất nghiệp là có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 31, 33, 35, 80, 131, 202, 219, 238, 243 và 245 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 47 và 202 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 50 Luật Việc làm năm 2013;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc: Tranh chấp Bảo hiểm xã hội như sau:

- Công ty TNHH G phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật thời gian tính từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016.

- Sau khi thực hiện xong việc đóng bảo hiểm xã hội, Công ty TNHH G có trách nhiệm hoàn thành thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội để trả lại sổ Bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H.

- Công ty TNHH G có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền bảo hiểm thất nghiệp là 9.360.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H không phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty TNHH G phải nộp số tiền 600.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- CCTHADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**